

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

TIỂU-SỬ
ĐỨC GIÁO TÔNG
NGUYỄN-NGỌC-TƯỜNG
(1881-1951)

In Lại Theo Ấn Bản Năm 1958

HỘI-THÀNH AN-HỘI BẾN-TRE

Đánh máy lại: **Hồng Lan**
Trình bày: **Hồng Lan & Tấn Hưng**
Xếp chữ: **H&L TypeSetter**
Đóng tập: **H&L eBooker**
Làm tại: **Chicago - U.S.A.**

Copyright © 2006 — Hội-Thánh An-Hội Bến-Tre

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
NĂM THỨ 33

HỘI THÁNH
dưới quyền ủng hộ của
Đức Giáo Tông
NGUYỄN NGỌC TƯỜNG

TIỂU SỬ
ĐỨC GIÁO TÔNG
NGUYỄN NGỌC TƯỜNG
(1881-1951)

Ấn Hành Lần Thứ Nhì
Trong tháng 6 năm Mậu Tuất
(Tháng 8-1958)

PHẦN THỨ NHỨT

Đoạn Đời Nhập Thế

(1881-1930)

I. THÂN THẾ:

A) GIA ĐÌNH:

Người sanh ngày 26 tháng 5 năm Tân Tỵ, nhằm 22 tháng 6 năm 1881 dương lịch, tại làng An Hội, tổng Bảo Hựu, tỉnh Bến Tre, Nam phần Việt Nam.

Thân phụ Người là cụ Nguyễn ngọc Đâu, thân mẫu Người là bà cụ Võ thị Sốt.

Tổ ba đời của Người là cụ Nguyễn đức Loan, một nhà Nho học, người tỉnh Bình Thuận Trung phần Việt Nam.

Người ra đời được 13 tháng, thì cụ thân sinh tạ thế, từ đó, Người sống với ông Nội.

Người được định đôi bạn vào năm 1902, cùng bà Trương thị Tài. Đến năm 1908, bà thất lộc, để lại hai con: cô Nguyễn thị Tú và cậu Nguyễn ngọc Hớn.

Sau Người tái thú cùng bà Bùi thị Giàu, hạ sanh được ba người con trai: cậu Nguyễn ngọc Kỷ, cậu Nguyễn ngọc Bích, cậu Nguyễn ngọc Nhứt; và hai người gái: cô Nguyễn thị Yén, cô Nguyễn thị Nguyệt.

B) HỌC VẤN:

Từ 6 tuổi, Người theo học chữ Nho, và chút ít chữ Quốc ngữ với Ông Nội, học tại nhà.

Lên 14 tuổi (1805). Người vào học lớp ba trường tỉnh: năm 17 tuổi, Người thi đậu vào trường Trung học Mỹ Tho.

Năm 19 tuổi, Người lên học trường Chasseloup-Laubat (Sài gòn).

Đến 21 tuổi (1902) Người thi đỗ rồi nghỉ học.

C) LỊCH TRÌNH QUAN TRƯỞNG:

Cũng trong năm 1902, Người thi đỗ vào ngạch Thơ Ký Thượng Thơ, và làm việc nơi phòng Thượng Thơ Sài gòn một năm, kế được đổi về Bến Tre tòng sự luôn suốt 17 năm.

Đến cuối năm 1919, Người thi đậu Huyện, rồi được bổ đi làm Quận trưởng Châu thành tỉnh Cần Thơ. Ba tháng sau, lại bị đổi đi Hòn Chông (Hà Tiên) làm Quận trưởng tại đây 4 năm (1920-1924).

Từ năm 1924-1927, Người làm Quận trưởng Cần Giuộc (Chợ lớn) và được thăng Tri phủ Thượng thơ.

Từ năm 1927-1930, Người làm Quận trưởng Xuyên Mộc (Bà Rịa).

Vào cuối năm 1930, vâng lệnh Đại Từ Phụ, Người vào đơn xin từ Quan.

Được chấp đơn cho nghỉ vào hạng hưu trí, Người về ở Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo.

II. VỀ NHỜN ĐẠO:

Bổn phận Người đối với gia đình, thân tộc, chòm xóm thật là vẹn toàn gương mẫu.

Đối với ông Nội, Người hết lòng hiếu thảo. Khi còn đi học, Người thường dành dụm tiền quà bánh, để mua trà về kính Ông. Người phải sớm nghỉ học để làm việc tự sống, và phụng dưỡng Ông trong

lúc tuổi già.

Người có một bà Cô, và kính Cô như cha mẹ. Có lần Cô đau, mặc dầu tuổi đã quá lục tuần, nhưng hằng đêm sau khi giảng dạy Hạnh đường (từ 8 đến 10 giờ). Người vẫn đi đến tận chỗ thăm cô, đường xa ngoài một cây số. Sau bà Cô đau nặng, về nhà lớn cách Hội Thánh gần mười cây số. Nhưng hằng đêm, sau khi dạy Đạo xong, Người đều đi thăm. Sự thăm viếng thường ngày như vậy, trong khoảng gần hai tháng. Thật là phải có đầy đủ một lòng chí hiếu, chí thảo, mới có thể làm được liên tục bốn phận khó khăn, thiêng liêng ấy!

Đối với bà con thân tộc xa gần, Người thường giúp đỡ chu đáo mọi mặt. Đặc biệt, mỗi lần lãnh lương, Người gởi tiền ủng hộ những quyền thuộc túng thiếu. Người còn chia vườn đất cho một số thân nhân nghèo mà đông con.

Ngoài ra, những người lân cận trong xóm ấp cũng thường được Người trợ giúp mỗi khi hữu sự.

Đối với vợ, Người vẹn giữ được niềm hòa ái của tình nghĩa phu thê.

Đối với con, Người là Ông cha lành gương mẫu về việc giáo dục trí đức. Nhiều khi, Người cũng lo lắng đến sự ăn mặc cho nữa.

Đối với các thân nhân đã quá vãng, Người lo chu đáo, chăm sóc, sửa sang các phần mộ.

Đoạn đời Nhơn Đạo của Người đã nêu sáng những gương: Hiếu, Nghĩa, Nhơn, Từ.

Người đã tỏ ra chí hiếu với Ông - Cô, vẹn nghĩa với vợ, rộng Nhơn với bà con chòm xóm, trọn Từ với con.

Người sống trong một hoàn cảnh xã hội mà nền văn hóa Á Đông bị lu mờ trước sự xâm nhập của nền văn hóa Âu Tây. Nhưng Người vẫn vững lòng tuân hành theo các Giáo lý cao quý của Đạo Nho. Người sùng tín Khổng Giáo là cương kỷ về Nhơn Đạo vậy.

III. CÁC CÔNG NGHIỆP TRONG QUAN TRƯỞNG (Thần Đạo):

A) ẢNH HƯỞNG CỦA XÃ HỘI:

Người sanh ra và lớn lên trong một giai đoạn lịch sử của nước nhà mất quyền tự chủ. Bao nhiêu cuộc cách mạng Quốc gia, Xã hội phát sanh, khi âm thầm, khi bộc khởi, nhưng liên tiếp cam chịu thất bại.

Từ đây, về mặt vật chất, dân Việt Nam phải chịu muôn vàn tủ nhục, khốn cùn trong kiếp sống bị trị, kém mở mang. Về mặt tinh thần, nền cựu học (Văn hóa Đông phương) tỏ ra bất lực và mất tín nhiệm với đa số. Nhưng nền tân học (Văn hóa Tây phương) mặc dầu có nhiều thế lực, vẫn không trọn chinh phục được nhân tâm, vì đã tiêm nhiễm quá sâu sắc theo các Đạo lý cổ truyền của Tam Giáo (Nho, Thích, Đạo). Xã hội Việt Nam thưở ấy sống trên sự mâu thuẫn gay gắt giữa hai nền văn hóa cũ mới. Lòng người hoang mang bất định.

Riêng về hoàn cảnh cá nhân mình, Người đã được hấp thụ cả hai nền văn hóa Á Âu. Thưở nhỏ, Người nổi chí ông, cha học chữ Nho (đến trình độ nghe sách Tứ Thư, Ngũ Kinh). Người noi theo nề nếp Khổng Giáo và sùng tín cả Phật Giáo. Rồi vừa lớn lên, Người tiếp đường Âu học và sống trong quan trường.

Với bản chất hiền lương sẵn có, Người bảo thủ tinh thần thẩm nhuần Đạo đức Đông phương làm căn gốc. Nhưng đồng thời, với óc quan sát suy xét sáng suốt, Người sẵn sàng thâm nhận những cái hay của nền văn hóa Tây phương.

Vậy, cũng như mọi sĩ phu tâm chí đương thời, Người rất đau xót, tiếc thương và ít nhiều hoang mang trước cảnh sống tủi khổ của dân tộc, và sự sa sút của nền Đạo đức Phong hóa. Nhưng riêng Người được may mắn thẩm nhuần và biết dung hòa cả hai nền Văn hóa Á Âu. Ấy là đặc điểm quý báu trong tinh thần Người. Nhờ đó mà khi làm quan, Người hăng hái hoạt động cải thiện dân sinh, để thỏa mãn một phần nào lý tưởng giải thoát dân tộc. Và cũng nhờ đó, Người sớm hữu phước hữu căn ngộ Đạo, và xả thân hành Đạo cứu khổ nhơn sanh.

B) CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI: (Hội Buôn An Nam và Hội Khuyến Văn).

Năm 1905, Nhật Bản đại thắng Nga Hoàng. Chiến công này thức tỉnh mạnh mẽ các dân tộc nhược tiểu Á Châu. Từ đó chỉ đến sau thế giới chiến tranh 1914-1918, ở các nước Đông Nam Á, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc phát khởi sôi nổi. Các nhà chí sĩ Việt Nam cũng bôn ba xuất dương để tìm lối cứu dân cứu nước.

Thuở ấy, đang tuổi thành niên, Người cũng thấy những hoài bão vì nước vì dân của mình, được dâng cao trong bầu tâm chí nhiệt thành. Nhưng quan niệm của Người về sự giải thoát có khác. Với tinh thần Đạo Đức làm căn bản, Người chú trọng ở các điểm: cải thiện dân sanh, dân trí và dân tâm. Do đó,

Người chủ trương trước tiên phải làm cho dân được: no ấm, khôn ngoan, hiền lương đạo đức.

Năm 1919, tại Bến Tre, với uy tín và hạnh đức trong sạch của 17 năm làm việc quan, Người cùng một số bạn đồng tâm đồng chí đứng ra tổ chức "Hội Buôn An Nam và Hội Khuyến Văn."

Hội Buôn nhằm mục đích giác ngộ đồng bào về các quyền lợi kinh tế và thương mại, hiện nằm trong tay người ngoại quốc. Hội kêu gọi người Việt hợp tác cổ phần, để thành lập các cơ sở giao thương mua bán với nhau, hầu tránh nạn trung gian bóc lột.

Đi đôi với Hội Buôn, Hội Khuyến Văn được tổ chức, nhằm khuyến khích dân chúng ham học cầu tiến và bảo vệ phong hóa đạo đức. Hội tổ chức những buổi diễn thuyết, cổ động học quốc ngữ, đọc báo, viết văn, làm thơ v.v... Việc học chẳng những để trau dồi trí thức; mà còn để am hiểu luân lý đạo đức (hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận anh em, tiết nghĩa vợ chồng, trung tín bạn bè...), để bài trừ các mê tín dị đoan tệ tục, các tật xấu; để phát huy tinh thần nòi giống mền quê hương.

Hội có phát hành một tờ Nội san. Những bài hay được giải thưởng khuyến khích.

Hai Hội đều được sự hưởng ứng rộng rãi của dân chúng trong tỉnh. Cao vọng của Người là lấy tỉnh Bến Tre làm cơ sở kinh nghiệm, để rồi gây thành phong trào toàn quốc.

Nhưng tiếc thay, Người bị thất bại. Sau một thời gian hoạt động, hai Hội phải tự giải tán vì lý do kinh tế và chánh trị đương thời.

Các công việc hoạt động trên đây, tuy không

thâu được kết quả thực tế, nhưng đã chứng minh được tinh thần vị nhơn sanh của Người. Và lại, lúc bấy giờ là thời kỳ bị trị. Cho nên, biết đề xướng lên một phong trào giải phóng kinh tế và văn hóa lệ thuộc, là biết gieo hột giống cách mạng tốt. Đó là một sáng kiến tiền phong, rất đáng nêu gương vậy.

C) CÁC SỰ MỞ MANG KHAI KHẨN:

Vốn sẵn lòng thương dân mến nước, tinh thần thấm nhuần Đạo lý (Khổng, Phật, Giáo), Người cai trị dân hoàn toàn với Đức độ bao dung. Người đặc biệt chú ý việc mở mang khai hóa giáo dục và hết sức tránh việc phải răn phạt.

Ở *Hòn Chông*: Năm 1920, từ Bến Tre, Người được bổ đi làm Quận trưởng Châu thành Cần Thơ. Cách 3 tháng sau, lại bị đổi ra Quận Hòn Chông (Hà Tiên) đến năm 1924.

Thuở ấy, dân sự vùng này phần đông là người Miên và Huê Kiêu. Người Việt chiếm thiểu số. Mọi sanh hoạt xã hội công nghệ, thương mại, lễ giáo, học vấn chưa được khai hóa. Đa số dân chúng còn chịu dốt nát, nghèo nàn, sanh sống cơ cực.

Trần nhậm xong, Người liền len lỏi sống gần gũi nhơn dân, để thông cảm mọi nỗi đau khổ khó khăn, hầu tìm phương mở mang cho thích hợp. Quan sát xong, Người lần lượt dạy dân cách làm nhà, trồng trọt, làm ruộng, phép cưới hỏi theo lễ giáo. Người chỉ cách lấy đá nung vôi, đây là một nguồn lợi đáng kể của địa phương.

Ngoài ra, Người lo cất chợ, nhà thương, trường học, cho đào nhiều con kinh xuyên qua các đồng ruộng, và con kinh từ Hòn Chông đi Rạch Giá.

Về làm ruộng, Người giúp vốn và chỉ dẫn cách khai khẩn đất hoang đất rừng thành đồng ruộng tốt. Nhờ đó dân chúng ngày được thêm khá giả.

Nơi đây, ngoài công vụ, Người cũng vẫn lo khai Đền, phổ độ nhơn sanh vào Đạo. Kết quả thật là sâu rộng.

Tóm lại, đoạn đời làm Quan của Người đã nêu gương những đức tánh: thương dân mến nước, chuyên cần liêm chính.

Vì hết lòng thương dân mến nước, nên Người rất hăng say với mọi công việc mở mang khai khẩn, để cải thiện dân sanh, dân trí, dân tâm. Ngoài ra, Người chủ trương "Dĩ đức phục nhơn", hơn là áp dụng pháp trị.

Nêu gương chuyên cần, Người làm việc gần gũi với dân, không nài lao tâm mệt xác. Người không hề chán nản, mà vẫn tích cực hoạt động, để khắc phục mọi hoàn cảnh khó khăn khổ cực.

Nêu gương liêm chính, Người chẳng những không cậy quyền mà áp chế bóc lột dân, hay chiếm khẩn riêng đất đai. Mà trái lại, Người còn từ chối lợi quyền đặc biệt do chánh phủ ban thưởng cho.

Vậy từ Nhơn Đạo vẹn toàn, Người đã tận tâm ra lo cho dân, cho nước với trọn lòng yêu kính, mẫn cán, chí công vô tư. Người đã thật hành phần Thần Đạo với cả tài đức kinh luân của bậc Quân tử (Nho gia).

IV. GẶP ĐẠO CAO ĐÀI:

A) LÝ TƯỞNG GIẢI THOÁT:

Như đã trình bày, hoàn cảnh xã hội ảnh hưởng sâu sắc vào tâm não Người hai điểm:

- Sự bất lực, mất tín nhiệm của nền văn hóa Đạo đức Á Đông trước thế lực bành trướng của nền văn minh khoa học Âu Tây.

- Sự hổ nhục của dân tộc dưới chế độ thuộc địa.

Những nỗi đau đớn này canh cánh mãi nơi lòng Người. Người cố tìm mọi phương để giải thoát dân sinh, và gầy dựng lại giá trị cho nền Đạo Đức cổ truyền. Những hoạt động xã hội (Hội buôn, Hội khuyến văn), những công nghiệp mở mang khai phá ở các nơi, chỉ thỏa mãn được một phần nhỏ các hoài bão cao xa của Người. Người thấy đó chỉ là những hành động miễn cưỡng nhỏ hẹp, trong khi chưa biết phải làm chi khác. Nên Người không ngớt tìm kiếm những đường lối hữu hiệu hơn, khả dĩ giải thoát chung cho cả đồng bào, tạo lại uy tín và vị trí xứng đáng cho nền Đạo đức Á Đông. Vì theo Người, nền Văn hóa Đông phương là phần chơn lý về tâm linh. Chơn lý này phải vĩnh cửu tồn tại, để hướng nền văn minh khoa học vật chất Tây phương, đến ngay mục đích phục vụ hạnh phúc nhơn sanh.

Khi ngồi Quận ở Hòn Chông, Người có cầu học Đạo theo phái Minh Sư, ăn chay tịnh luyện. Nhờ đó, Người cảm thấy đường giải thoát hé mở. Song Người cũng không toại chí. Vì phép tu như thế chỉ giải thoát được một thiểu số mà thôi, chớ không cứu thoát chung cho cả đồng loại đặng.

Rồi lúc nào, Người cũng muốn tìm phương vượt lên khỏi bầu không khí của cuộc đời hiện tại. Cũng như xưa kia, Thái tử Sĩ Đạt Ta đã khổ sở giữa cảnh lâu đài vàng ngọc, vì thấy thân dân lầm than

trong giai cấp, trong sanh lão bệnh tử. Người đã trải qua những thời gian khủng hoảng tinh thần, với lý tưởng giải thoát, chưa tìm được lối ra thích hợp.

B) NHẬP ĐẠO VÀ SƠ LƯỢC VỀ ĐẠI ĐẠO:

Vào cuối năm 1925, tại Quận Cần Giuộc, Người gặp Đạo Cao Đài trong buổi phôi thai. Qua một thời gian tìm hiểu, nghiên cứu, Người xin lập nguyện nhập môn. Người được phong làm THƯỢNG CHÁNH PHỐI SỬ vào khoảng giữa tháng 4 năm Bính Dần (1926), trong một Đàn cơ tại Hội Phước Tự, xã Long Trạch (Chợ lớn). Rồi đến ngày 22 tháng 11 năm 1930, Nghị Định của Đức Lý Đại Tiên và Đức Hộ Pháp thăng Người lên phẩm ĐẦU SỬ.

Đang có một trạng thái tinh thần khủng hoảng nan giải, Người đột nhiên vào Đạo Cao Đài với tất cả nhiệt tâm thành tín, với cả trí lực để phụng sự mở mang.

Hỏi tại lý do nào? Xin đáp rằng: ấy nhờ Đạo Cao Đài đã vén cho Người thấy một chân trời mới, chân trời Tự Do, Đạo Đức, Hạnh Phúc, Đại Đồng cho cả nhơn loại.

Người đã gặp trong Đạo Cao Đài những giáo lý thỏa mãn hoàn toàn những lý tưởng đang bị bế tắc nơi mình.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, nay tá danh là CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT, tức là ĐỨC CHÚA TRỜI đã dùng huyền diệu cơ bút lập ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ. Đại lược nền Giáo lý Đạo Cao Đài như dưới đây:

1) *Trời là Cha chung của nhơn loại và muôn loài vạn vật: Nhơn loại vốn là anh em ruột thịt với nhau,*

cùng một gốc mà sanh ra. Nguyên văn một đoạn Thánh Giáo đã dạy:

"THẦY LÀ CHA CỦA SỰ THƯỜNG YÊU. DO BỞI SỰ THƯỜNG YÊU MỚI TẠO THÀNH THẾ GIỚI VÀ SANH SẢN CÁC CON. VẬY CÁC CON SẢN XUẤT NƠI SỰ THƯỜNG YÊU LÀ CƠ THỂ CỦA SỰ THƯỜNG YÊU ĐÓ..."

Sở dĩ như loại không còn nhìn nhận mình là ruột thịt với nhau bởi hai lý do chánh:

- *Một là:* Từ xưa, như loại sống thưa thớt từng địa phương bị bao bọc bởi núi rừng sông biển, khu biệt thành ranh giới thiên nhiên. Đông Tây không thông nhau, Nam Bắc không giáp nhau. Vì ảnh hưởng của phong thổ, thời tiết từng tư phương nên màu da sắc tộc khác nhau, ngôn ngữ bất đồng. Do đó mà loài người lầm tưởng là khác giống.

- *Hai là:* Đất đai, các nguồn lợi thiên nhiên được biến thành của riêng từng vùng, rồi theo đà cạnh tranh, trở nên của riêng từng giai cấp, từng gia tộc, từng cá nhân. Vì đó, ranh giới quốc gia mới có, rồi sanh ra lần lần quyền tư hữu tài sản, ra nhiều giai cấp, phẩm chất sản vật mới định giá. Sự đấu tranh quyền lợi ngày thêm gay gắt, sâu sắc. Chẳng những nó chia rẽ, gây nghịch lẫn, mà còn đưa như loại đến chỗ tàn hại tiêu diệt lẫn nhau.

2) *Các Tôn Giáo Đông Tây Đều Do Đấng Chúa Trời phân thân tạo nên:* Các vị Giáo Chủ của các Tôn Giáo đã có trên Thế giới đều là những sứ thần tư phương của Đại Từ Phụ. Thánh Giáo Đức Thượng Đế đã dạy: "*Niên Đẳng Cổ Phật thị Ngã, Thích Ca Mâu Ni thị Ngã, Thái Thượng Nguơn Thi thị Ngã Kim Viết Cao*

Đài...". Và đêm NOEL 1925, Đức Ngọc Hoàng cũng có giảng dạy rằng: "*Đêm nay 24 tháng 12, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây...*"

Nội dung các Tôn Giáo đều một mục đích duy nhất, là khuyến thiện và cứu khổ như sanh. Nhưng phần hình thức sở dĩ có khác nhau, là vì mỗi Tôn Giáo phải mang nặng những màu sắc riêng biệt của tư phương và thời kỳ khai sáng.

3) *Tôn Chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:* Ngày nay các ranh giới thiên nhiên (núi rừng sông biển) đã mất lần trước khoa học máy móc. Loài người được dễ dàng thông đồng liên lạc từ xứ này qua xứ khác. Cảnh năm châu một chợ đã đưa các sắc dân Âu Á, và các tôn giáo Đông Tây gặp nhau. Mọi thành kiến bất đồng chia rẽ về vật chất cũng như về tín ngưỡng không thể tồn tại được nữa.

Cho nên, Đấng Cha Lành khai sáng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với Tôn chỉ là:

a) *Qui Nguyên Tam Giáo Hiệp Nhất Ngũ Chi:* Cốt là để xóa hết những thành kiến rẽ chia về tín ngưỡng. Với tinh thần Qui Nguyên Hiệp Nhất, toàn thể các tôn giáo xưa đều có sứ mạng mới là vừa giúp vào sự mở đường dung hòa giáo lý. Và lại, khoa học cơ giới ngày nay đã phát triển tới cao độ. Các tôn giáo cần phải liên kết, hòa hợp cùng nhau thành một ngọn đuốc Chơn Lý duy nhất. Được vậy, Đạo Đức mới khỏi bị lu mờ trước khoa học, mới có uy tín và vị trí xứng đáng, mới đủ quyền năng kèm chế và hướng dẫn như sanh thẳng tiến trên đường háo sanh ố sát.

b) *Thực hành Chủ Nghĩa Thương Yêu Trần Trê*

Từ Người Đến Vật: Cốt là để kêu gọi nhơn sanh xóa bỏ mọi chia rẽ, xung đột về màu da sắc tộc, danh vọng lợi quyền. Đức Thượng Đế, nhơn danh là Cha chung, cả kêu các sắc dân, mọi chủng tộc nên nhìn nhận mình là anh em ruột với nhau. Phải sống dung hòa, thương yêu, tương trợ lẫn nhau trong tình máu thịt.

Về sự Thương yêu Đức Chúa Trời dạy rằng:
"... Sự thương yêu là giếng háo sanh của Càn Khôn thế giới. Bởi thương yêu mà vạn loại hòa bình, càn khôn an tịnh; đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau; không thù nghịch lẫn nhau mới không tàn hại lẫn nhau; không tàn hại lẫn nhau mới giữ bền cơ sanh hóa..."

Và Đức Cha lành cũng vạch rõ mọi tai hại tàn khốc của sự ghét như vậy... *"Kẻ nghịch của cơ sanh hóa là Quỷ Vương là tay diệt hóa. Cũng như có sống của Thầy ắt có chết của Quỷ Vương"*.

Quỷ Vương dục sự ghét mà tàn hại các con. Vì ghét nhau vạn loại mới khi nhau. Vì ghét nhau vạn loại mới nghịch nhau. Vì ghét nhau vạn loại mới tàn hại lẫn nhau, mà tàn hại lẫn nhau thì là cơ diệt thế..."

Sau cùng, Đức Cha Trời nghiệm phân rằng:
"... Vậy Thầy cấm các con, từ đây nếu không đủ sức thương nhau, thì cũng chẳng đặng ghét nhau, nghe à".

Trên đây là đại cương Tôn chỉ của Đạo Cao Đài. Khai Đạo trong buổi Hạ Ngươn này, Đức Thượng Đế quyết cứu độ nhơn sanh khỏi họa diệt vong, để hưởng cảnh thế giới Đại Đồng tuyệt khổ. Cuộc đời của loài người sẽ hoàn toàn hạnh phúc. Các Tôn Giáo sẽ dung hợp về một đường kính thờ Trời là Cha chung. Những hình thức quốc gia chỉ còn là

những ranh giới địa dư, chớ không phải là những lần ranh quyền lợi về bằng xương máu. Các sắc dân trong năm châu đều thương yêu nhau như anh em một nhà, cùng một lý tưởng là mưu đồ nền hạnh phúc chung cho nhau.

Kết lại, Người hoàn toàn thỏa mãn và tin tưởng theo tôn chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Người nhận đây là con đường giải khổ thần diệu cho mình, cho dân tộc, cho nhơn loại. Và Người cũng thấy đây là bửu pháp thiêng liêng chấn hưng Đạo Đức, hầu kịp thời hướng thiện nền Văn Minh khoa học phát triển theo đường Vĩnh Sanh Tuyết Khổ cho nhơn loại.

C) THỜI KỲ HÀNH ĐẠO TẠI QUAN CHỨC (1926-1930):

Khi Người gặp Đạo Cao Đài, chính là lúc đường công danh đang thịnh tiến.

Ở Cần Giuộc, ban ngày lo việc quan, đêm đêm Người đi khai Đàn giảng Đạo. Khuyến dân chúng làm lành lánh dữ thương yêu hòa thuận, kính thờ Trời Phật Thánh Thần. Nhiều đêm Người đi đến sáng, trong gió mưa lạnh lẽo, trên những đường xa xăm lầy lội.

Người rất tận tâm với việc phổ độ. Số người nhập môn rất đông, gồm trong Quận Cần Giuộc và cả đến các Quận lân cận, vì Người cũng nhơn các thì giờ rảnh để đi xa mở Đạo. Có thể nói rằng: trong buổi đầu mở Đạo, phong trào phổ độ và nhập môn ở vùng này là sôi nổi mạnh mẽ hơn hết. Nhiều Thánh Thất Đạo Cao Đài được gây dựng trước tiên, và vẫn còn đến ngày nay (như Tân Kim, Tân Quý Tây, Mỹ Lộc, Tân Chánh v.v...)

Ra Xuyên Mộc, Người tiếp tục mở Đạo. Số người nhập môn cũng đông đảo. Người lập được các Thánh Thất Hội Mỹ, Long Tân, Xuyên Mộc.

Vào cuối năm 1930, Người được lệnh Đức Chí Tôn dạy phải từ Quan, để về hiến thân hành Đạo nơi Tòa Thánh Tây Ninh. Không chút do dự, Người đưa đơn xin từ chức, và được chấp thuận cho hưu trí thiết thọ.

Thời kỳ hành Đạo tại Quan chức là phần công quả bỏ tức vào khoản Thần Đạo của Người. Cũng như công cuộc trị dân, đoạn hành Đạo này được kết quả với việc hóa dân vi thiện, khuyến khích chánh nghiệp chánh mạng, bảo vệ thuần phong mỹ tục và trật tự cho xã hội.

V. TIỂU KẾT VỀ ĐOẠN ĐỜI NHẬP THẾ:

Đoạn đời nhập thế của Người gồm có 3 phần chánh:

- Phần Nhơn Đạo.
- Phần Thần Đạo.
- Sự nhập Đạo Cao Đài.

Phần Nhơn Đạo của Người được vẹn toàn trong cơ Tùng khổ. Người làm tròn các bổn phận đối với: Ông - Cô, vợ con, thân tộc, chòm xóm. Hành đúng theo Nho Giáo, Người đã nêu gương các đức tánh: Hiếu Thảo, Nhơn Nghĩa, Thiệt Từ.

Phần Thần Đạo của Người được sáng tỏ trong cơ Thắng khổ. Đứng trước mọi cảnh cơ hàn khó nhọc của dân tộc, Người tích cực cải thiện mọi mặt sinh hoạt. Kết quả: Người trấn nhậm nơi nào, thì nhơn sanh nơi đó được thêm ấm no, an cư lạc nghiệp. Về phương diện tinh thần, Người cố công mở mang,

giáo hóa để thắng các khổ: dốt chữ, thất học, mê tín dị đoan, tồi phong bại tục. Về phương diện đạo đức, Người dạy dân thương yêu hòa thuận, làm phải làm lành, tương thân tương ái, để tránh các khổ do nghiệp ác táng hung gây nên.

Người thành công trong Đạo trị dân nhờ có những khuôn hạnh quý báu: thương dân mến nước, chuyên cần mẫn cán, chí công vô tư.

Mặc dầu đã đem hết tâm lực phụng sự nhơn sanh với địa vị Quan chức, Người vẫn chưa có được lối thoát như ý cho lý tưởng yêu sinh và giải khổ đồng loại. Mãi đến khi gặp Đạo Cao Đài, Người mới thấy nơi Tôn chỉ của Đạo Trời một sự giải đáp đầy đủ và nhiệm màu cho các hoài bão của mình. Người hoàn toàn thỏa mãn, tin tưởng, nên liền xin nhập môn, và đem trọn tấc lòng thành vào việc hành Đạo.

Vậy đoạn đời nhập thế của Người thể hiện đầy đủ Nhơn Đạo và Thần Đạo. Người đã vẹn toàn hai phần: Tùng khổ và Thắng khổ trong cơ Tuyệt khổ của Tam Kỳ Phổ Độ.

PHẦN THỨ HAI
Đoạn Đời Hành Đạo
Nơi Tòa Thánh Tây-Ninh
(1931-1934)

I. TÒA THÁNH TÂY NINH 1930.

Tòa Thánh ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ thành lập từ ngày mười hai tháng năm Đinh Mẹo (1927) tại làng Long Thành tỉnh Tây Ninh. Công sơ tạo do Đức Thượng Phẩm Cao quỳnh Cư thủ xướng. Nhưng đến năm 1928, vì bất bình Nội bộ, Ngài lui về ngả ba Mít một (cách Tòa Thánh độ 3 cây số), lập Thảo xá Hiền cung để thờ Đức Mẹ, và tu riêng.

Tòa Thánh do Ngài Thượng Đâu sư Lê văn Trung, là Chức sắc lớn hiện có mặt tại đó, thay mặt cho Đạo làm chủ.

Về hành chánh do ba vị Chánh Phối sư điều đình:

- Ngọc Chánh Phối sư: Ngài Lê bá Trang.
- Thái Chánh Phối sư: Ngài Nguyễn ngọc Thơ.
- Thượng Chánh Phối sư: do Ngài Phối sư Thái Ca

Thanh thay mặt cho Người đảm nhận (vì Người còn tại chức Quan ở Xuyên Mộc).

Công việc Đạo từ trước vẫn thuận tiến. Nhưng đến năm 1930, nội bộ xảy ra mấy sự rối rắm như sau:

1) Ngài Phối sư Thái Ca Thanh, đương quyền Thượng Chánh Phối sư, vì bất bình với một Chức sắc lớn, bỏ phận sự về Thánh Thất Cầu Vĩ (Mỹ Tho). Ngài tách ra lập phái Minh Chơn Lý, lập Tòa Thánh

Trung Ương, chống lại Tòa Thánh Tây Ninh (do cơ bút dẫn dắt).

2) Các họ Đạo mấy tỉnh Hậu Giang lại theo với Ngài Chương Pháp Trần Đạo Quang, thành lập phái Minh Chơn Đạo, lấy Thánh Thất Giồng Bóm (Bạc Liêu) làm Tòa Thánh Hậu Giang (cũng do cơ bút dẫn dắt).

Vâng theo Thánh Giáo Đức Chí Tôn, Ngài Đâu Sư THƯỢNG TRUNG NHỰT (Lê văn Trung) viết thư cho Quan Thống đốc Nam Kỳ khai rằng: đã giao giềng mối Đạo cho ông NGUYỄN NGỌC TƯỜNG chấp chương. Nguyên văn bức thư ấy bằng chữ Pháp như dưới đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

3è. AMNISTIE DE DIEU EN ORIENT

Bouddhisme Rénové

No: 202

Tây Ninh, le 4 Juillet 1931.

À Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine
(Saigon)

Monsieur le Gouverneur,

J'ai l'honneur de vous faire connaitre qu'à partir de ce jour M. NGUYỄN NGỌC TƯỜNG est chargé de la directive du Caodaisme ou Bouddhisme rénové avant pour but de moraliser les peuples de leur apprendre à pratiquer les vertus et à purifier l'âme. M. NGUYỄN NGỌC TƯỜNG est chargé d'entretenir des relations avec le Gouvernement en ce qui concerne le Caodaisme ou Bouddhisme rénové.

Veuillez agréer, Monsieur le Gouverneur,
l'assurance de mes sentiments respectueux et

dévoués.

Singné: LÊ VĂN TRUNG

Xin tạm dịch bức thư này ra Việt văn như

dưới đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Số: 202

Tây Ninh ngày 4 tháng 7 năm 1931.

Kính gửi Quan Thống Đốc Nam Kỳ (Saigon)

Kính Ngài,

Tôi hân hạnh cho Ngài hay: kể từ nay Ông NGUYỄN NGỌC TƯỜNG được ủy thác nhiệm vụ cầm giềng mỗi Đạo Cao Đài, hay Phật Giáo chấn hưng. Mục đích của nền Đạo là dạy dân giữ gìn luân lý, thực hành các đức tánh và trau dồi linh hồn cho được trong sạch. Ông NGUYỄN NGỌC TƯỜNG chịu trách nhiệm giao thiệp với Chánh phủ về mọi vấn đề của Đạo Cao Đài.

Xin Ngài nhận tấm tình kính trọng và trung thành của tôi.

Ký tên: LÊ VĂN TRUNG

Cũng tuân theo Thánh ý, Người viết một bức thư số: 284 ngày 1 tháng 9 năm 1931 (có hai Ngài: Đầu sư THƯỢNG TRUNG NHỰT và Chánh Phối sư NGỌC TRANG THANH ký tên công nhận) gửi cho Quan Thống Đốc Nam kỳ hay: kể từ ngày 31-6-1931. Người lãnh phần chương quản mỗi Đạo trong Nam kỳ (vì thuở ấy nền Đạo chỉ mới mở trong các tỉnh Nam Phần mà thôi). Nguyên văn bức thư ấy bằng chữ Pháp như dưới đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Nô: 284

Tây Ninh, le 1er September 1931.

A Monsieur le Gouverneur de la Cochinchine (Saigon)

Monsieur le Gouverneur,

J'ai l'honneur de vous faire connaître qu'en obéissant aux instructions divines, je prends effectivement aujourd'hui la direction du Caodaisme ou Bouddhisme rénové en Cochinchine.

En acceptant cette charge très délicate et lourde, je pense bien servir l'humanité dans la participation à sa régénération morale et spirituelle.

Avec l'aide du Très-Haut, je m'efforcerai de réagir de telle façon à pourvoir bien mériter la complète confiance du Gouvernement et à étaler devant le monde la vraie figure du Caodaism, telle qu'elle nous est apparue par la volonté celeste.

Le Caodaism est la synthèse des trois principales religions existant en Indochine (Bouddhisme, Taoisme, et Confucianisme). L'altruisme pris dans son sens le plus large, l'amour universel, est le point principal de sa doctrine. Il nous est enseigné par des messages spirites recus de Dieu et de ses ministres les saint-espirits évolués, qui nous éclairent et nous guident contamment dans la grande voie conduisant à l'apogée de la perfection morale et spirituelle.

Le Caodaism sera appelé à devenir une religion universelle qui amenera le paix mondiale.

Le jour où les Annamites, du Nord ou Sud, le pratiqueront avec toute la liberté d'un culte national, le Gouvernement n'aura plus aucun souce de troubles ou désordres quelconques, car tout vrai Caodaïste est

sincèrement respectueux de l'autorité et amoureux de la paix.

...

Veillez agréer, Monsieur le Gouverneur, l'expression de mes sentiments bien respectueux et bien dévoués.

Approuvé

Signé:

Lê Văn Trung

Lê Bá Trang

Signé: Nguyễn Ngọc Tường

Chargé de la Direction du Caodaism en Cochinchine.

Xin tạm dịch bức thư này ra Việt-văn như dưới đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Số: 284

Tây Ninh ngày 1 tháng 9 năm 1931

Kính gửi Quan Thống Đốc Nam Kỳ (Saigon)

Kính Ngài,

Tôi hân hạnh cho Ngài hay: vâng theo các Thánh giáo, kể từ nay tôi chánh thức cầm giềng mối Đạo Cao Đài trong Nam Kỳ.

Nhận lãnh trách nhiệm rất khó khăn và nặng nề này, tôi thiết tưởng phụng sự đúng đắn hơn loại bằng cách tham dự vào sự cải tạo Đạo Đức và linh hồn.

Với sự ủng hộ của Đấng Tối Cao, tôi sẽ cố gắng hành động chính đốn lại như thế nào cho được xứng đáng với sự tín nhiệm hoàn toàn của Chánh phủ, và phô bày trước mọi người chân tướng của Đạo

Cao Đài đúng y như hội Ôn Trên mới giảng dạy chúng tôi.

Đạo Cao Đài là sự hòa hợp ba tôn giáo chánh đã có ở Đông Dương (Phật Giáo, Lão Giáo và Khổng Giáo). Sự thương yêu tràn trề và rộng rãi, tình bác ái, là trọng điểm trong tôn chỉ của Đại Đạo. Đại Đạo được giảng dạy cho chúng tôi do những bài cơ bút của Đức Chúa Trời và các Đấng thừa lệnh Người tức là các phẩm Chơn linh trọn lành, luôn luôn soi sáng và hướng dẫn chúng tôi trên chơn đạo đưa đến cực điểm: chí thiện và chí thánh.

Đạo Cao Đài sẽ được trở thành nền Đạo đại đồng, sẽ đem lại hòa bình cho thế giới.

Ngày nào mà người Việt Nam, từ Bắc chí Nam, được giữ Đạo Cao Đài với trọn quyền tự do của một Quốc Đạo, Chánh phủ sẽ không còn một âu lo ngại nào về biến động hay loạn lạc nữa, vì người tín đồ Cao Đài chơn chánh rất thật tâm kính trọng chánh quyền và yêu chuộng hòa bình.

...

Xin Ngài nhận tấm tình rất kính trọng và trung thành của tôi.

Chuẩn y:

Ký tên:

LÊ VĂN TRUNG

LÊ BÁ TRANG

Ký tên:

NGUYỄN NGỌC TƯỜNG

Người cầm giềng mối Đạo Cao Đài ở Nam Kỳ.

Vậy đứng về hai mặt: Thiên mệnh và pháp luật, Người đã thọ nhiệm vụ cầm giềng mối Đạo Cao

Đài kể từ ngày 31-8-1931.

II. ĐỪNG BỘ TÀI SẢN CỦA ĐẠO:

Do lệnh của Đức Lý Đại Tiên giảng dạy tại chùa Gò Kén, Người được chọn thay mặt cho Đạo, đứng bộ các tài sản của Đại Đạo. Chỉ riêng về Thánh Địa Tây Ninh, muốn được dung hòa và đủ mặt lương phái nên Hội Thánh để thêm tên bà Nữ Chánh Phối sư HUƠNG THANH cùng đứng bộ với Người.

Năm 1931, khi mới về Tòa Thánh, Người có tự nguyện làm hai cái tờ giao cho Hội Thánh cầm làm bằng.

Một cái Người khai rằng miếng đất Thánh Địa Tây Ninh mua do tiền bạc của bốn Đạo, chỉ để tên Người và bà Nữ Chánh Phối sư đứng bộ giữ mà thôi.

Một cái Người khai rằng kể từ ngày 9-5-1931, là ngày Người xuất gia. Họ tên của Người không còn dùng đứng bộ của cải tư riêng nữa. Từ đây về sau, của cải chi mà để tên Người đứng bộ là của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hai tờ này có làng Long Thành thị nhận, và có cầu chứng đóng bích phân nơi Tòa hộ Tây Ninh.

Vậy chỉ vì Đạo, vì Nhơn sanh, Người phải vâng lệnh Ôn Trên gánh vác nhiệm vụ đứng bộ tài sản chung của Đạo. Trong việc này, Người chẳng có hưởng quyền lợi chi cho mình cả.

III. NHỮNG SỰ SẮP ĐẶT VIỆC ĐẠO ĐẦU TIÊN:

Người bắt tay vào việc với những sự mở mang chính đốn nền Đạo về mọi mặt. Người chỉ làm việc trong phạm vi địa vị của Thượng Chánh Phối sư

mà thôi, chớ không phải với nhiệm vụ của người cầm giềng mối Đạo, hay với nhiệm vụ Đầu sư (Vì chưa có sự trao quyền chánh thức theo luật Đạo).

A) NỘI BỘ:

Hiệp với hai Ngài Chánh Phối sư Thái và Ngọc. Người lo chỉnh đốn lại Bàn Cửu Viện. Việc phân quyền giữa ba vị Chánh Phối sư thuở ấy như sau:

- Ngọc Chánh Phối sư: Sửa trị Chức Sắc và Tín đồ về phần Đạo và phần đời, giữ Chơn truyền Đại Đạo, cầm quyền tạp tụng. Tổng lý ba viện: Lại, Lễ và Hòa viện.

- Thái Chánh Phối sư: Điều đình cơ phổ độ, tuyên bố Chức sắc hành Đạo tha phương, làm chủ tọa Hội Thánh, quản lý nền tài sản của Đạo, định lương hưởng cho Chức sắc. Tổng lý ba viện: Hộ, Lương và Công Nông viện.

- Thượng Chánh Phối sư: Chăm nom sự giáo hóa, giao thiệp với Chánh phủ, là chủ Tọa Hội Nhơn sanh. Tổng lý ba viện: Nội Ngoại, Học, và Y viện.

Tuy quyền hành riêng nhưng khi làm việc, Người vẫn phụ giúp với Ngài Thái Chánh Phối sư, mà kiêm coi hai viện Lương và Công Nông viện.

Ngoài Cửu viện, Người lo sửa sang chỉnh đốn từ họ Đạo về mặt nội trị, sắp đặt cho có đủ Bàn trị sự mỗi làng, và Bàn cai quản mỗi Thánh Thất, đi thăm viếng các Thánh thất, và giúp mở mang thêm nhiều.

Số Đạo hữu thuở ấy được ngoài 300,000 người. Có 105 Thánh Thất, trong đó có 43 cái tạm.

Từ đây số người về Tòa Thánh làm công quả

ngày thêm đông. Đạo hữu về cất nhà ở tu trong vùng Thánh địa càng tăng số. Đồng thời tài chánh, lương thực được toàn Đạo ủng hộ dồi dào. Như lúa và bí rợ không còn kho đụn nhà cửa để chứa cho hết; phải gởi và chia bớt cho các gia đình Đạo hữu ở gần.

B) NGOẠI GIAO:

Người là đại diện của Đạo để giao thiệp với Chánh phủ. Người lo xin phép khai các Thánh thất. Nhờ đó toàn Đạo được tự hợp cúng kính đông đảo, không còn bị khó khăn như trước nữa. Người sửa sang dạy dỗ về mọi việc hành Đạo, cho mỗi Thánh Thất được trọn hành theo luật Đạo mà khỏi phạm luật đời.

Người đã đem gương hạnh đạo đức chơn tu của mình mà làm tăng uy tín cho nền Đạo, đối với nhơn sanh và Chánh phủ. Người đã hành đúng lời Thánh giáo của Thầy đã dạy từ trước: "Tương, con nhớ lời Thầy, con vốn là con tin của Thầy giao cho Chánh phủ. Nhờ con mà nền Đạo mới ra lẽ chơn chánh trước mặt Chánh phủ và chúng sanh."

C) GIÁO HÓA:

Người đã thi hành việc Giáo Hóa cho toàn Đạo, một phần tại Tòa Thánh, một phần cho các Họ Đạo.

Tại Tòa Thánh, trường học chữ (Đạo Đức Học Đường) từ số học sinh 60 với hai lớp, lên đến gần 500 chia ra 11 lớp. Người tổ chức nuôi học sinh mồ côi nghèo khó cho ăn đi học, được 94 trò nam nữ.

Ban đêm có hai lớp dạy chữ, và hai lớp dạy đạo lý phổ thông, cho những người làm công quả. Số học viên 4 lớp này ngoài 200.

Người còn tổ chức một lớp dạy Đạo cho hàng chức sắc ở làm việc tại Tòa Thánh.

Ngoài ra, một trường Hạnh đường có hai lớp: Một lớp cho hàng chức sắc, và một lớp cho hàng chức việc dự học. Mỗi khóa 15 ngày, hằng tháng đều có mở.

Về việc giáo dục cho toàn Đạo, mỗi tháng Người cho ra một tờ Châu tri dạy Đạo, nhứt là về Ngũ giới cấm, Tứ Đại điều qui. Bài Thương Yêu v.v..... Người con truyền cho toàn Đạo học thuộc lòng các bài kệ trên, và phát giấy ban khen cho những người đã học thuộc. Các họ Đạo đều hưởng ứng, gây thành một phong trào học đạo sâu rộng. Tinh thần đạo đức trời lên cao đáng kể.

Trong số chung các chức sắc đương quyền trong Đạo từ trước và về sau, chỉ một mình Người là có Châu tri dạy Đạo, và dạy nhiều hơn cả.

D) Y TẾ:

Người thành lập Y viện (Dưỡng đường) tại Tòa Thánh, để có chỗ cho người làm công quả dưỡng bệnh khi ốm đau.

E) CÔNG NGHỆ:

Người tổ chức mở mang các cơ sở: Trại hàng, trại cửa, trại mộc, lò rèn, sở đương ghé mây, sở làm củi v.v... cho người về Tòa Thánh có việc làm công quả. Các cơ sở cung ứng cho mọi nhu cầu của Tòa Thánh được tương đối đầy đủ và ít tốn kém.

F) NÔNG NGHIỆP:

Người cho khai phá mở mang 9 sở trồng hàng bông rau cải. Diện tích chừng lối 20 mẫu; số nhơn công hằng ngày lối 500 người. Các sở rẫy này

cung cấp cho Tòa Thánh đủ đồ ăn hằng ngày, mà trước kia phải mua ở chợ.

Về các Thánh Thất, Người dạy tổ chức làm ruộng Phước điền để có một căn bản về lương thực và tài chánh cho nền Đạo, và cũng để có nơi cho Đạo Hữu làm công quả.

G) MỞ MANG THÁNH ĐỊA VÀ KHỞI TẠO TÁC TÒA THÁNH:

Người tiếp tục công trình khai khẩn của Đức THƯỢNG PHẨM là mở mang hai sở đất của Tòa Thánh. Một sở 80 mẫu là khu nội thành Tòa Thánh. Một sở 50 mẫu là khu Thánh Địa, để cho chư Đạo Hữu cất nhà ở. Tất cả đều được khai phá sạch sẽ, với nhiều đường sá thông thương. Nhà cửa Đạo Hữu được tổ chức về mọi phương diện: Giáo dục, luật lệ, vệ sinh, nghề nghiệp v.v...

Ngoài ra, Người sắp đặt mọi việc để khởi công tạo tác Tòa Thánh. Bất quáí Đài được bắt đầu xây đúc trước.

H) TỔ CHỨC HỘI NHÂN SANH:

Với nhiệm vụ THƯỢNG CHÁNH PHỐI SƯ, Người mời nhóm Hội Nhơn sanh, để thực hiện dân chủ trong nền Hành Chánh nội trị của Đạo. Thành phần Hội này gồm toàn thể đại diện nhơn sanh, kêu là phái viên (đại biểu) do nhơn sanh công cử lên. Mỗi phái viên sẽ là đại diện cho 500 đạo hữu. Lệ nhóm định vào ngày 15 tháng 10 âm lịch mỗi năm.

Ban thường trực Hội này gọi là Ban ủy viên thường trực ở nơi Tòa Thánh. Tùy sở năng, mỗi vị lãnh phận sự hành Đạo, và được coi là Đại diện cho Hội này trong các phiên nhóm của Bàn Cử viên.

Hội nhơn sanh ngoài nhiệm vụ ủng hộ mọi việc làm của Hội Thánh, còn có quyền phê bình chất vấn, hoặc đề nghị cải sửa các chủ trương luật lệ nào không phù hợp với đa số tín đồ.

Hội Nhơn sanh nhóm lần trước nhứt vào năm Đạo thứ 6 (1931), và lần thứ hai vào năm Đạo thứ 7 (1932). Hai nhóm đều được kết quả mỹ mãn. Người đã nâng quyền nhơn sanh lên đến địa vị mà Thầy đã định. Nhờ đó nhơn sanh được góp phần xây dựng vào những trang lịch sử của Đại Đạo.

I) HÒA GIẢI:

Đặt mình là "con tin" của Đại Từ Phụ trước mặt Chánh phủ và chúng sanh, Người tự xét có trách nhiệm nặng nề đối với những sự chia rẽ rối rắm (đã kể nơi Chương 1) trong nội bộ Tòa Thánh. Người quyết tâm dùng lễ Đạo Đức thương yêu để mưu lại sự hòa hiệp trong Đạo.

Người thân đi thăm viếng mỗi vị. Tùy cảnh Người lựa lời khuyên giải gián can, mong đem lại sự thống nhứt cho nền Đạo. Một vài bằng chứng là bức thư Người gửi cho Ngài Phối sư THÁI CA THANH đề ngày 1 tháng 11 1932, và lời giảng của Người trong cuộc nhóm Hội Nhơn sanh ngày 15 tháng 10 Nhâm Thân (12-11-1932).

Những cuộc cầu nguyện và cầu hồn của Người thuở ấy ở Tòa Thánh ai ai cũng biết. Có lần Người qui hương luôn ba ngày đêm tại Bắc Quái Đài để khóc lóc cầu nguyện.

Rốt cuộc chỉ được kết quả là:

1) Thảo Xá Hiền Cung được bà bạn của Đức THƯỢNG PHẨM (đã qui liễu) chịu qui hoàn về Tòa

Thánh.

2) Chúc sắc Thập Nhị Thời Quân Hiệp Thiên Đài và Thánh thất Cầu kho trở về chung lo việc Đạo với Hội Thánh.

3) Ngài THÁI CHÁNH PHỐI SỰ chịu hiến độ 60 mẫu đất và các cảnh Cực Lạc về cho Hội Thánh làm chủ.

Ngoài ra Người phải chịu thất bại đau đớn trong các cuộc mưu hòa khác.

K) CHỈNH ĐỐN VIỆC ĂN UỐNG:

Nơi Tòa Thánh, từ trước đã có một chế độ giai cấp rõ ràng trong việc ăn uống.

Sau một thời gian ăn cơm chung với chức sắc lớn, Người đến xem xét các phòng ăn của chư Đạo Hữu làm công quả. Người luân chuyển ăn cơm chung với hàng Đạo Hữu, nay bàn này, mai bàn khác, thời gian suốt cả tháng.

Sau khi ấy, Người đề nghị truất bớt phân nửa số tiền chợ của chức sắc lớn, để thêm vào sổ tiền chợ cho hàng Đạo Hữu. Đồng thời Người cho kiểm soát chu đáo mọi việc thu xuất lúa gạo, lương thực nơi phòng trừ.

Kết quả là vừa tiết kiệm được nhiều tiền bạc lương thực cho Hội Thánh, vừa nâng đỡ mức ăn uống cho hàng Đạo Hữu. Về mặt tinh thần, chế độ giai cấp về ăn uống được xóa bớt; tình cảm chung của mọi người trên dưới thêm siết chặt.

Tóm lại các công việc sắp đặt đầu tiên của Người tại Tòa Thánh gồm có mấy điểm chánh:

a) Gây lại được sự tín nhiệm của Chánh Phủ và nhơn sanh đối với nền Đạo.

b) Xúc tiến việc Giáo Hóa, phát triển cơ phổ độ.

c) Mở mang Thánh địa và khởi công tạo tác Tòa Thánh.

d) Cải thiện mức sinh hoạt vật chất nơi Tòa Thánh.

e) Tận tâm điều đình mưu hòa nội bộ.

IV. TỪ ĐỨC CỦA ĐỨC GIÁO TÔNG:

Ông Phủ Ba hiền như Phật

Ông Phủ Ba thật từ bi...

Hai câu này thường được chư Đạo Hữu luôn miệng ca tụng Người hằng ngày.

A) LÒNG TỪ BI:

Từ đức chói sáng nhứt của Người là lòng Từ bi. Người không bao giờ rầy la quở phạt một ai cả, chỉ thân ái để lời dạy dỗ khuyến khích an ủi mà thôi. Đối với kẻ lỡ phạm lỗi, Người hết lòng chỉ giáo, bao dung, tha thứ. Không bao giờ ai thấy Người nóng giận, hay chống nghịch, hay xuyên tạc một vị nào trong hàng chức sắc ngang phẩm hoặc trên phẩm mình.

Người luôn luôn gần gũi chu đáo giúp đỡ cho kẻ nghèo thiếu ốm đau.

Đối với thú cầm, Người cũng tỏ lòng thương yêu tràn trề. Như mùa nắng hạ, rừng khô, thú cầm thiếu nước uống gặm thét inh ỏi. Người liền tổ chức gánh nước vào rừng cho chúng uống.

Đối với côn trùng, mỗi khi cỡi xe đi gặp kiến hay mối kéo ngang qua lộ, Người liền xuống xe đỡ hồng nhắc qua, để tránh cán chết những vật ấy.

Đối với thảo mộc, Người cũng thi thố lòng Từ bi hiếm có. Người có một vườn kiếng, nhưng

không cho cắt cây vô cớ, không cho đốn nhánh sửa cành thành hình này hình nọ. Người dạy rằng: Hãy để cho cây kiểng leo tự nhiên mới đẹp; nếu cắt hay đốn tức là làm cho cây mất tự do và đau đớn tội nghiệp.

B) SỰ CHUYỀN CẦN:

Trong sự làm việc, Người đã nêu sáng gương chuyên cần đặc biệt.

Sáng sớm, Người thức dậy vào 5 giờ, cúng rồi tịnh đến 6 giờ ra ăn cháo, đọc sách báo.

7 giờ đến Văn phòng làm việc.

8 giờ: Cởi xe đạp đi viếng các sở Học đường, Hạnh đường, Dưỡng đường, các cơ sở Công nghệ và 9 sở rẫy.

10 giờ trở về Văn phòng làm việc.

11 giờ cúng rồi tịnh.

1 giờ ra tịnh, ăn cơm rồi đọc sách báo.

1 giờ rưỡi đến Văn phòng làm việc.

3 giờ đi viếng các Văn phòng và các cơ quan nội phạm Cửu viện, phòng trừ v.v...

5 giờ cúng rồi tịnh.

7 giờ tối tịnh ăn cháo, đọc sách báo.

8 giờ làm việc giấy tờ đến 11 giờ tại thư phòng.

11 giờ cúng rồi tịnh.

1 giờ ra tịnh rồi nghỉ.

Trên mọi công việc, Người luôn luôn sốt sáng hoạt động và tận tâm.

Trong buổi còn làm việc Quan, Người đã được tiếng là: làm, chỉ biết rồi việc, chớ không biết hết giờ. Ngày nay với công việc Đạo vĩ đại, Người càng thêm nỗ lực không ngừng. Số giờ làm việc hằng

ngày của Người kết thành một thời dụng biểu hiếm có vậy.

C) CÁCH XỬ SỰ THÂN YÊU BÌNH ĐẲNG:

Trong xử sự, Người luôn luôn lấy Đạo đức và công ích làm căn bản. Người chú ý tìm hiểu xác thật hoàn cảnh của mọi người trong cuộc và hết lòng săn sóc giúp đỡ. Ai cũng có thể bày tỏ mọi điều tâm sự khúc chiết với Người, và được nâng đỡ giải quyết thỏa mãn.

Mỗi khi đến viếng nơi nào, Người chu đáo hỏi han về thân thế gia cảnh của mỗi em út, để tìm cách an ủi khuyến khích. Đặc biệt nhất là lúc đến cũng như khi ra về, Người đều tìm đến bắt tay từ người một, từ Chức sắc lớn chí em đồng nhi nhỏ.

Ngoài ra Người khuyên toàn Đạo đừng dùng tiếng "Đức" "Quan lớn" và "Ông", mà nên dùng tiếng "Anh" để xưng hô với Người trong văn từ hay trong câu chuyện.

Với cử chỉ khoan hòa, lời lẽ dịu dàng sáng suốt, với tình thương yêu bình đẳng hiếm có, với tinh thần mẫn cán gương mẫu, Người được toàn Đạo gần xa hết lòng kính mến.

V. BUỔI ĐẠO CHINH NGHIỆP:

A) LỄ ĐĂNG ĐIỆN ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG:

Ngày 17-2 Quý Dậu (12-3-1933), trong một cuộc nhóm bất thường tại Bửu điện Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp tuyên bố cử hành Lễ Đăng Điện chức Quyền Giáo Tông cho Ngài Đầu Sư THƯỢNG TRUNG NHỰT. Ngự trên Ngai, Đức Quyền Giáo Tông thăng ba vị Chánh Phối Sư (Thái Thơ Thanh, Thượng Tương

Thanh, Ngọc Trang Thanh) lên Quyền Đầu Sư. Đồng thời, Ngài mời ba vị Hiệp Thiên Đài: Khai Pháp Trần duy Nghĩa, Khai Đạo Phạm tấn Đãi, Khai Thế, Thái văn Thân qua chấp chương Quyền Chánh Phối Sư.

(Xin nhắc lại trước kia, đã có Nghị định ngày 22-11-1930 của Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp, thăng ba vị Chánh Phối Sư: Ngọc Trang Thanh, Thượng Tương Thanh, Thái Thơ Thanh, lên Đầu Sư rồi).

B) NHÓM THƯỢNG HỘI VÀ HỘI VẠN LINH:

Ngày 16-4-1933 (22-3-Quý Dậu) nơi Bửu Điện Tòa Thánh có cuộc nhóm Thượng Hội, do Ngài Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh chiêu tập. Hội nhóm có mặt 6 Hội viên Thượng Hội, vắng mặt 3. Những vị có mặt là: Thượng Sanh Cao hoài Sang (Nghị trưởng), ba vị Quyền Chương Pháp (Bảo Thế Lê thiện Phước, Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu, Hiến Đạo Phạm văn Tươi). Quyền Đầu sư Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh. Ba vị vắng mặt là: Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp và Ngài Quyền Đầu sư Thái Thơ Thanh (vị sau này vì bệnh nên có thơ xin vắng mặt).

Ngài Quyền Ngọc Đầu Sư đưa ra cuộc nhóm xét 12 khoản về Đức Quyền Giáo Tông. Toàn Hội thảo luận và đồng công nhận Đức Quyền Giáo Tông có phạm phải.

Sau, 5 Hội viên Thượng Hội (Thượng Sanh, ba vị Quyền Chương Pháp, Quyền Ngọc Đầu sư) ký tên tờ "Đôi lời tâm huyết", ngày 28-5-1933, mời nhóm Hội Vạn Linh để dự thẩm quyền quyết định các vấn

đề trên.

Ngày 11-6-1933 (19-5 Quý Dậu) Hội Vạn Linh nhóm tại Bửu Điện Tòa Thánh. Cuộc nhóm này vắng mặt: Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp, hai Ngài Quyền Thái và Thượng Đầu sư.

Hội thảo luận và công nhận theo quyết nghị của Thượng Hội ngày 16-4-1933.

Sau hai cuộc nhóm, tinh thần của Đạo từ nội bộ Tòa Thánh đến các Họ Đạo đều hoang mang chán nản. Từ đây Chánh quyền tỏ ra thêm gắt gao với Đạo.

Đối với mọi việc chinh nghiêng, Người hết dạ can gián dung hòa, nhưng không kết quả.

Một mặt là lánh chỗ không an, một mặt lo lắng Đức tin của nhơn sanh. Người đi thăm viếng dạy dỗ trấn an các Họ Đạo. Người trực tiếp với Chánh quyền, Nhơn sanh là người chịu trách nhiệm cầm giềng mối Đạo. Người bảo kiết về an ninh và tự do tín ngưỡng cho bốn đạo các Thánh Thất.

C) BỊ NGỪNG QUYỀN ĐẦU SƯ:

Ngày 10-8-1933, Người ra tờ Châu tri có 7 tờ cho trong Đạo biết rằng: Sau khi đi thăm viếng Đạo nơi các Thánh Thất vừa về đến Tòa Thánh, Người nhận được Nghị định của Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp, ký tên ngày 25-7-1933, ngưng quyền hành Đầu sư của Người và Ngài Quyền Ngọc Đầu Sư, vì lý do: "hai vị đã hội nhóm đặng toan phá Đạo".

Người tỏ rằng: "Việc nhóm hội là việc bổn phận của ông Ngọc Đầu Sư lãnh quyền sửa trị trong nền Đạo. Còn tôi thì lo phần giáo dục trong Đạo. Tôi chỉ có dùng lời cung kính êm thuận mà can gián Anh

Cả (Đức Quyền Giáo Tông).

Tôi phải ôm lòng để cho ông Ngọc Đầu Sư làm phận sự của ông chớ tôi không có hiệp tác trong phận sự của ông lần nào hết.

Nhờ những lời châu tri rất ôn hòa ấy mà không khí trong nền Đạo được êm dịu lại đôi phần.

D) TỜ HÒA HIỆP NGÀY 27-12-1933:

Ngày 26-12-1933 nơi Nữ Chánh Phối sư đường, có cuộc họp của mấy chức sắc lớn: Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp, ba vị Quyền Đầu Sư và Nữ Chánh Phối Sư. Cuộc họp có mục đích cởi mở thắc mắc để dung hòa nhau điều hành việc Đạo. Kết quả là:

- Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp nhận rút lại tờ Nghị định ngưng quyền hành hai vị Quyền Đầu Sư, và phục hồi địa vị cũ.

- Ngài Quyền Ngọc Đầu Sư bằng lòng bỏ qua và xóa bỏ các điều mà Ngài đã đưa ra giữa các hội.

Ngày 27-12-1933 (11-11 Quý Dậu) Đức Quyền Giáo Tông làm một tờ giao nền Đạo cho năm vị chức sắc lớn lo điều đình, để Ngài được an dưỡng thân thể. Năm vị chức sắc ấy là: Hộ Pháp, ba vị Quyền Đầu Sư và Nữ Chánh Phối Sư. Cả thầy đều ký tên hiệp ý với mạng lệnh trên. Đồng thời năm vị ra tờ Bồ cáo số 150, ngày 27-12-1933 gửi cho toàn Đạo được hay biết.

E) SỰ CHINH NGHIÊNG TRỞ LẠI:

Ngày 29-1-1934 Đức Quyền Giáo Tông viết thư cho Đức Hộ Pháp, dạy lãnh luôn chức Quyền Giáo Tông đăng điều đình mối Đạo. Nguyên văn có đoạn như sau: "... quyền hành trách nhiệm Quyền Giáo Tông giao lại cho một mình Hộ Pháp định liệu, rồi ban

mang lệnh cho toàn Đạo tuân cử..." Đức Hộ Pháp đăng thư rồi nội ngày ra lệnh cho Quyền Thượng Đầu Sư phải làm việc này việc khác v.v...

Như thế là trái hẳn lại tinh thần tờ hòa hiệp ngày 27-12-1933.

Đến ngày 4-2-1934, Đức Quyền Giáo Tông lại cho ra thêm một tờ Phổ cáo chúng sanh, phá tan tinh thần hòa hiệp, và kết tội hai Ngài Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh và Thượng Tương Thanh.

Đến ngày 22-2-1934, nhằm ngày vía Đức Chí Tôn tại cuộc nhóm nơi Bửu điện, Đức Hộ Pháp khai rằng không đủ tài cầm hai quyền một lượt, nên đã giao lại Đức Quyền Giáo Tông rồi.

Ngày 5-3-1934, Ngài Ngọc Đầu Sư ra bức thư số 151 để đính chánh tờ Phổ cáo của Đức Quyền Giáo Tông và nói rõ những sự thiệt hư trong nội bộ. Thế là cơ Đạo lại lâm vào một hoàn cảnh rối rắm gắt gao, không phương hòa giải được nữa.

Muốn tránh chỗ bất hòa, Người bèn lui về Đất Đỏ (Bà Rịa), vào núi Kỳ Vân ẩn tu.

F) VỀ BÌNH HÒA VÀ AN HỘI HÀNH ĐẠO:

Nhưng không bao lâu, nhiều phái đoàn nhơn sanh và chức sắc đến yêu cầu Người trở ra hành đạo để diu dắt nhơn sanh đúng theo Thánh ý của Đức Chí Tôn đã dạy lúc ban đầu. Ngày 24-7-1934, Người trở lại hành đạo, Người ra tờ Châu tri số 3 cho toàn đạo hay: Người đã trở lại hành đạo, nhưng vì không thể ở nơi Tòa Thánh được, nên tạm lập Văn phòng nơi Thánh Thất: Bình Hòa (Gia định) và An Hội (Bến tre) để lo chấn chỉnh nền Đạo lại.

Việc không thể ở hành đạo tiếp tục nơi Tòa

Thánh được nữa là vì những lý do:

- Sự khủng hoảng nội bộ không thể giàn xếp được.

- Bàn viết nơi văn phòng Đầu sự có các hồ sơ tài liệu hành đạo v.v... đều bị chiếm mất, đòi nhiều lần không trả lại.

- Nhà ở cũng bị chiếm, một Đạo Hữu ở giữ nhà bị đưa đưa ra khỏi cửa Tòa Thánh cấm không cho trở lại.

VI. TIỂU KẾT VỀ ĐOẠN ĐỜI HÀNH ĐẠO TẠI TÂY NINH:

Với mấy năm hành đạo tại Tòa Thánh, Người đã bắt đầu bước vào giai đoạn Thánh Đạo trong Ngũ Chi Đại Đạo của Tam Kỳ Phổ Độ. Người đã trọn hy sinh tư kỷ: vứt bỏ mọi danh vọng lợi quyền của quan trường, ly gia cắt ái, phế hết các việc gia đình để trọn hiến thân hành đạo. Vì danh Đạo, Người hy sinh cả lòng tự ái cá nhân: không một tiếng giận hờn, không một lời tranh chấp đối với mọi con khảo thí đưa đến. Luôn luôn giữ dạ từ bi, đức tin mạnh mẽ, Người chỉ biết khuyên lơn nhẫn nhịn để mưu hòa, chỉ biết quì hương cầu nguyện để cảm hóa, chỉ biết hành đạo phổ thông giáo lý để cứu độ nhơn sanh. Người đã thực hiện được trọn vẹn lời Thánh giáo mà Đức Chí Tôn đã dạy cho Người rằng: "... Thầy để cho con chịu lắm sự nhọc nhằn đau thâm, song có vậy mới đặng, vì CON LÀ ĐẠO, ĐẠO LÀ CON. Thầy mừng cho hạnh đức con rất hạp cùng lý Đạo, Thầy dặn con phải ẩn nhẫn chịu khổ hạnh, cho lẽ Đạo được rõ ràng. Đạo nhờ con mà nên, con vì Đạo mới ra đáng mặt...".

TIỂU SỬ ĐỨC GIÁO TÔNG NGUYỄN NGỌC TƯỜNG (1881-1951)

Hội-Thánh An-Hội Bến-Tre

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

Đoạn Đời Nhập Thế 4

I. THÂN THỂ	4
A) Gia Đình	4
B) Học Vấn	4
C) Quan Trường	5
II. VỀ NHƠN ĐẠO	5
III. CÁC CÔNG NGHIỆP...	7
A) Ảnh Hưởng Xã Hội	7
B) Hoạt Động Xã Hội	9
C) Mở Mang Khai Khẩn	10
IV. GẶP ĐẠO CAO ĐÀI	11
A) Lý Tưởng Giải Thoát	11
B) Nhập Đạo...	13
C) Hành Đạo Lúc Tại Chức	17
V. TIỂU KẾT...	18

PHẦN THỨ HAI

Đoạn Đời Hành Đạo 20

I. TÒA THÁNH TÂY NINH	20
II. ĐÚNG BỘ TÀI SẢN ĐẠO	26
III. SẮP ĐẶT VIỆC ĐẠO...	26
A) Nội Bộ	27
B) Ngoại Giao	28
C) Giáo Hóa	28
D) Y Tế	29

E) Công Nghệ	29
F) Nông Nghiệp	29
G) Mở Mang Thánh Địa	30
H) Tổ Chức Hội Nhân Sinh	30
I) Hòa Giải	31
K) Chính Đốn Việc Ăn Uống	32
IV. TỪ ĐỨC...	33
A) Lòng Từ Bi	33
B) Sự Chuyên Cần	34
C) Cách Xử Sự...	35
V. BUỔI ĐẠO CHINH NGHIỆM	35
A) Lễ Đăng Điện	35
Đức Quyền Giáo Tông	35
B) Nhóm Thượng Hội	36
Và Hội Vạn Linh	36
C) Bị Ngưng Quyền Đầu Sư	37
D) Tờ Hòa Hiệp...	38
E) Sự Chinh Nghiêng Trở Lại	38
F) Về Bình Hòa Và An Hội	39
Hành Đạo	39
VI. TIỂU KẾT...	40



Ảnh chụp khi làm Quận-Trưởng Cần-giáp (Chợ Lớn)



Ảnh khi làm Thượng Đồn-sư